

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 47/2023/HNGĐ-ST

Ngày 14 tháng 7 năm 2023

V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Lam

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Lê Tuấn Kiệt

2- Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Kép - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu My - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 480/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 06/02/1995

Địa chỉ: Số A, Khóm N, Phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số A, Khóm N, Phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà T và ông Nguyễn Văn T tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lộc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau ngày 30/5/2013. Trong quá trình chung sống ông T hay ghen tuông vô cớ, thô lỗ với vợ con, dẫn đến vợ chồng phát sinh nhiều mâu

thuần, cuộc sống không hạnh phúc. Hiện nay không thể hàn gắn. Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống có hai con chung tên Nguyễn Đức Q, sinh ngày 14/10/2012 và Nguyễn Nhật D, sinh ngày 15/9/2015. Khi ly hôn giao Đức Q cho ông T nuôi dưỡng, bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng Nhật D, không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung; Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tổng đạt các văn bản đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định, không thuộc trường hợp phải thay đổi ai. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng, Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị.

- Về nội dung vụ án:

Có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim T đối với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung, có đủ cơ sở giao con chung là Nguyễn Đức Q, sinh ngày 14/10/2012 cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là Nguyễn Nhật D, sinh ngày 15/9/2015 cho bà Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng. Không cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của đương sự; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T, nên đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông T có nơi cư trú tại thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét thấy bà Nguyễn Thị Kim T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt bà T, ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Văn T tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lộc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau ngày 30/5/2013. Nên hôn nhân giữa bà T và ông T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Bà T xác định trong quá trình chung sống ông T hay ghen tuông vô cớ, thô lỗ với vợ con, dẫn đến vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Ông T không có lời trình bày. Mặt khác, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng ông T đều vắng mặt tại các buổi hòa giải. Qua đó cho thấy ông T không có thiện chí hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy mục đích của hôn nhân giữa bà T và ông T không đạt được.

Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T, cho bà T được ly hôn với ông T.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống có hai con chung tên Nguyễn Đức Q, sinh ngày 14/10/2012 và Nguyễn Nhật D, sinh ngày 15/9/2015. Hiện Đức Q đang sống cùng ông T, Nhật D đang sống cùng bà T. Khi ly hôn bà T đồng ý giao Đức Q cho ông T nuôi dưỡng, bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng Nhật D, không cấp dưỡng nuôi con.

Qua việc ghi nhận ý kiến của Đức Q và Nhật D thì Đức Q có nguyện vọng được sống cùng với ông T, Nhật D muốn sống cùng bà T. Cho nên, có căn cứ giao cháu Đức Q cho ông T nuôi dưỡng, giao cháu Nhật D cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông T, bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định trong quá trình chung sống, bà và ông T không có con chung, không có tạo lập được tài sản chung và cũng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Ông T không có ý kiến trình bày. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim T đối với ông Nguyễn Văn T. Bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Đức Q, sinh ngày 14/10/2012 cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là Nguyễn Nhật D, sinh ngày 15/9/2015 cho bà Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện Đức Q đang sống cùng ông T, cho nên ông T được tiếp tục nuôi dưỡng Đức Q; Nhật D đang sống cùng bà T, nên bà T được tiếp tục nuôi dưỡng Nhật D.

Bà Nguyễn Thị Kim T được quyền thăm nom Đức Q, ông Nguyễn Văn T được quyền thăm nom Nhật D, không ai được phép cản trở.

Bà Nguyễn Thị Kim T, ông Nguyễn Văn T không cấp dưỡng nuôi con do bà T, ông T không yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng. Bà T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0008115 ngày 18/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

5. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Hồng Lam